

Bản án số: 31/2024/KDTM-ST

Ngày: 22/5/2024

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ngọc Đông;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Lệ là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Trang – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST- KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 82/2024/QĐST-KDTM, ngày 02/5/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: 201-203 C, phường 4, quận 3, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V- Chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Ngọc S, sinh năm 1979 – Trưởng bộ phận khách hàng cá nhân- PGD An Nhơn.(Theo văn bản uỷ quyền ngày 31/8/2023).

* *Bị đơn:* Bà Nhữ Thị Hồng T, sinh năm 1961

Địa chỉ: 55 N, phường N, thành phố Q, Bình Định.

Địa chỉ hiện nay: 19/71 T, TP. Q, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo ông Bùi Ngọc S là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 06/12/2021, Ngân hàng TMCP N - Chi Nhánh Quy Nhơn Phòng Giao dịch An Nhơn và Bà Nhữ Thị Hồng T đã giao kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0170/2021/405-TD-CV ngày 06/12/2021.

Ngày 07/12/2021 bà T nhận nợ lần 1 theo giấy nhận nợ số:0170/2021/405-TD-CV, số tiền 700.000.000đ, đến ngày 07/9/2022 bà T đã thanh toán hết gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ngày 08/9/2022 bà T nhận nợ lần 2 theo Giấy nhận nợ số 02/GNN-0170/2021/405-TD-CV ngày 08/09/2022 cụ thể như sau:

Số tiền vay là 700.000.000 đồng

Thời hạn nhận nợ: 09 tháng. Từ ngày 08/09/2022 đến 08/06/2023.

Lãi suất: 15.2%/ năm.

Hình thức vay: Lãi trả hàng tháng. Gốc trả 1 lần cuối kỳ.

Sau khi nhận nợ bà T đã trả 06 tháng tiền lãi từ 08/9/2022 đến 07/03/2023. Sau đó bà T không trả tiền lãi nữa.

- Khi vay Ngân hàng Nam Á – PGD An Nhơn. Ngày 12/09/2022 có phát hành thêm 02 thẻ tín dụng cho khách là bà T theo hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số 0192/2022/405-CV. Cụ thể:

- Số tài khoản thẻ: 740510515180002

Loại thẻ :Credit Quốc tế

Lãi suất : 30% (lãi quá hạn 45%);

- Số tài khoản thẻ : 340510515180003

Loại thẻ : Credit Nội địa ;

Lãi suất : 36% (lãi quá hạn 54%);

- Tổng Hạn mức của 2 thẻ : 40.000.000 đồng

Hình thức vay: trả gốc và lãi định kỳ hàng tháng trước ngày 08 tháng tiếp theo, trả tối thiểu 3% dư nợ gốc + lãi.

Sau khi phát hành thẻ bà T trả đủ từ tháng 09/2022 đến 02/2023, sau đó bà T không trả nữa.

Tài sản tài sản thế chấp bảo đảm cho các khoản vay trên là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 91, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: Thôn Cát Tường, xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CN 485811, số vào sổ cấp giấy: CS 13880 ngày 18/10/2018), theo hợp đồng thế chấp số: 0145/2021/405-TD-BĐ ngày 06/12/2021.

Tạm tính đến hết ngày 22/05/2024, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

Khoản vay hợp đồng tín dụng. Tổng dư nợ: 882.968.200 đồng.

- Nợ gốc: 700.000.000 đồng;

- Lãi trong hạn từ ngày 07/03/2023 đến 08/06/2023 là 93 ngày: 27.098.629 đồng;

$700.000.000 \text{ đồng} \times 93 \text{ ngày} \times 15,2\% / \text{năm} (\text{một năm } 365 \text{ ngày}) = 27.098.629 \text{ đồng}$

- Lãi chậm trả: 2.828.475 đồng;

Lãi vốn quá hạn 150% từ ngày 08/06/2023 đến 22/05/2024 là 350 ngày: 153.041.096 đồng được tính như sau: $700.000.000 \text{ đồng} \times 15,2\% / \text{năm} \times 150\% \times 350 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 153.041.096 \text{ đồng}$

Khoản vay 2 thẻ tín dụng.

- Thẻ 740510515180002. Tổng dư nợ: 9.751.590 đồng.

Nợ gốc quá hạn: 6.530.881 đồng;

Lãi trong hạn: 945.225 đồng (từ ngày 14/02/2023 đến 14/08/2023 là 181 ngày)

Lãi quá hạn: 2.275.484 đồng (từ ngày 14/09/2023 đến nay là 252 ngày)

- Thẻ 340510515180003. Tổng dư nợ: 53.466.461 đồng.

Nợ gốc quá hạn: 32.703.904 đồng;

Lãi trong hạn: 4.655.611 đồng (từ ngày 24/02/2023 đến 24/06/2023 là 120 ngày);

Lãi quá hạn: 16.106.946 đồng (từ ngày 24/07/2023 đến nay là 304 ngày);

Tổng dư nợ của hai khoản vay Hợp đồng tín dụng và hai thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày 22/05/2024 là: 946.186.251 đồng (Chín trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi một đồng).

Từ các căn cứ nêu trên, N Bank yêu cầu Tòa xem xét và giải quyết các yêu cầu sau:

Tuyên buộc bà Nhữ Thị Hồng T phải trả cho N Bank số tiền gốc và lãi tính đến 22/05/2024 là 946.186.251 đồng.

Trong trường hợp bà Nhữ Thị Hồng T không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không hết nợ trên thì N Bank được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay cho Nam A Bank.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm được dùng để trả nợ cho Nam A Bank. Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả

và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho Nam A Bank.

Ngân hàng TMCP N thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/3/2024, không có ý kiến gì.

Tại bản khai ngày 27 tháng 12 năm 2023 bà Nhữ Thị Hồng T trình bày: Tôi thống nhất có vay của Ngân hàng TMCP N 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), lãi suất theo hợp đồng đã ký kết ngày 12/9/2022, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa 91, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: Thôn Cát Tường, xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN485811, số vào sổ cấp giấy: CS 13880 ngày 18/10/2018. Sau khi vay tôi đã trả lãi đầy đủ đến tháng 4/2023 là không trả nữa vì lý do tôi làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả lãi và gốc cho Ngân hàng.

Khi ký hợp đồng vay Ngân hàng cấp cho tôi 02 thẻ tín dụng, tổng hạn mức 02 thẻ là 40.000.000đ, lãi suất theo hợp đồng là 36% , lãi quá hạn 45%.

Nay Ngân hàng yêu cầu tôi trả nợ gốc 700.000.000đ và lãi, lãi trong hạn 27.098.269đ, lãi quá hạn 36.729.863đ và nợ hai thẻ tín dụng là 48.228.375đ. Tổng cộng là 812.910.482 đồng, tôi chấp nhận tiền gốc và lãi trên nhưng hiện nay tôi không có khả năng trả nợ, khi nào tôi bán được thửa đất tôi đã thế chấp cho Ngân hàng thì tôi sẽ trả đủ cho Ngân hàng một lần. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Tòa tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ đề bà T đến tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất nhưng bà T không đến. Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Bùi Ngọc Sơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nhữ Thị Hồng T mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bị đơn đang cư trú tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự .

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 06/12/2021, Ngân hàng TMCP N - Chi Nhánh Quy Nhơn Phòng Giao dịch An Nhơn và bà Nhữ Thị Hồng T đã giao kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0170/2021/405-TD-CV ngày 06/12/2021, số tiền vay 700.000.000đồng đến ngày 07/9/2022 bà T thanh toán hết nợ gốc và lãi; Ngày 08/9/2022 bà T vay tiếp lần hai theo giấy nhận nợ số:02/GNN-0170/2021/405/TD-CV, số tiền 700.000.000đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 15,2%/năm, hình thức vay trả lãi hàng tháng, gốc trả một lần cuối kỳ.

Ngày 12/09/2022 Ngân hàng TMCP N phát hành thêm 02 thẻ tín dụng cho khách là bà Thanh, theo hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số: 0192/2022/405-CV, Cụ thể:

Số tài khoản thẻ: 740510515180002, Loại thẻ: Credit Quốc tế, lãi suất: 30% (lãi quá hạn 45%); Số tài khoản thẻ : 340510515180003, loại thẻ: Credit Nội địa, lãi suất: 36% (lãi quá hạn 54%). Tổng hạn mức của 2 thẻ 40.000.000 đồng, hình thức trả gốc và lãi theo định kỳ trước ngày 08 hàng tháng, trả tối thiểu 3% dư nợ gốc cộng lãi.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho các khoản vay trên là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 91, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: Thôn Cát Tường, xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CN 485811, số vào sổ cấp giấy: CS 13880 ngày 18/10/2018), theo hợp đồng thế chấp số: 0145/2021/405-TD-BĐ ngày 06/12/2021.

Sau khi vay, khoản vay hợp đồng tín dụng bà T đã trả từ ngày 08/9/2022 đến ngày 07/3/2023 là 6 tháng tiền lãi rồi từ đó đến nay không trả nữa.

Đối với hai khoản vay của hai thẻ tín dụng, bà T trả gốc và lãi đến tháng 02/2023 rồi từ đó đến nay không trả nữa.

HDXX xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP N và bà Nhữ Thị Hồng T là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng do đó các khoản vay trên chuyển sang nợ

quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng các khoản vay trên, tổng cộng 946.186.251 đồng, cụ thể như sau: Khoản vay hợp đồng tín dụng 700.000.000 đồng, tính đến ngày 22/5/2024 cả gốc và lãi 882.968.200 đồng, trong đó lãi trong hạn 27.098.629 đồng, lãi chậm trả 2.828.475 đồng, lãi quá hạn 153.041.096 đồng; Khoản vay hai thẻ tín dụng, tính đến ngày 22/5/2024 cả gốc và lãi là 63.218.051 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 39.234.785 đồng, lãi trong hạn 5.600.836 đồng, lãi quá hạn 18.382.430 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Đôi với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo các khoản vay trên, giữa Ngân hàng và bà T ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản (Quyền sử dụng đất) (để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp) số: 0145/2021/405-TD-BĐ, ngày 06/12/2021 đã được công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định của pháp luật nên đây là căn cứ về quyền và nghĩa vụ của các bên khi phát sinh tranh chấp. Trường hợp bà T không thanh toán hết nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản **thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.**

Tại bản khai ngày 27 tháng 12 năm 2023 bà T thống nhất số nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng và nợ hai thẻ tín dụng nhưng hiện nay bà T không có khả năng trả nợ, khi nào bán được thửa đất đã thế chấp cho Ngân hàng thì sẽ trả đủ cho Ngân hàng một lần. Yêu cầu của bà T không được phía nguyên đơn chấp nhận và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Nhữ Thị Hồng T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP N đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng và đã chi hết nên Bà Nhữ Thị Hồng T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng.

[5] Về án phí KDTM - ST: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

2. Buộc bà Nhữ Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng cộng số tiền **946.186.251 đồng (Chín trăm bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi một đồng)**, cụ thể như sau: **Khoản vay Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 22/5/2024 tổng cộng là 739.234.785 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng), trong đó lãi trong hạn 27.098.629 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng), lãi chậm trả 2.828.475 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng), lãi quá hạn 153.041.096 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng) và Khoản vay hai thẻ tín dụng, tính đến ngày 22/2/2024 tổng cộng là 206.951.466 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm năm mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc quá hạn 39.234.785 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng), lãi trong hạn 5.600.836 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng), lãi quá hạn 18.382.430 đồng (Mười tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm ba chục đồng).**

Bà Nhữ Thị Hồng T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2024 cho đến khi bà T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP N, mức lãi suất được tính theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0170/2021/405-TD-CV ngày 06/12/2021 và hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số 0192/2022/405-CV ngày 12/9/2022 giữa Ngân hàng và bà Thành.

3. Trường hợp bà Nhữ Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 91, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: Thôn Cát Tường, xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CN 485811, sổ vào sổ cấp giấy: CS 13880 ngày 18/10/2018 và theo hợp đồng thế chấp số: 0145/2021/405-TD-BĐ ngày 06/12/2021 để trả nợ cho Ngân hàng TMCP N.

4. Ngân hàng TMCP N có nghĩa vụ trả lại cho bà Nhữ Thị Hồng T các giấy tờ, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất) số 0145/2021/045/TD-BĐ ngày 06/12/2021 được phòng công chứng An Nhơn ký xác nhận ngày 06/12/2021 ngay sau khi bà T trả hết nợ.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà T xin hện khi nào bán được thửa đất đã thế chấp thì sẽ trả đủ một lần cho Ngân hàng.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Nhữ Thị Hồng T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Ngân hàng TMCP N đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng đã chi hết nên Bà Nhữ Thị Hồng T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng.

7. Về án phí: Bà Nhữ Thị Hồng T phải chịu 40.385.587 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á 18.193.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000144, ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

8. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP N và bà T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Trọng Hiền